

Số: 47/2020/BC-MASHCM
V/v công bố thông tin điện tử Báo cáo
thường niên 2019

TP. HCM, ngày 13 tháng 4 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Mã chứng khoán:

Địa chỉ trụ sở chính: 3C Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3910 2222 Fax: 028 3910 7222

Người thực hiện công bố thông tin: Kang Moon Kyung – Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: 3C Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại (cơ quan): 028 3910 2222 Fax: 028 3910 7222

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên 2019;

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 13/4/2020 tại đường dẫn như sau:

<https://masvn.com/home/investorRelations/information.do>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Thay mặt Công ty TNHH Chứng khoán
Mirae Asset (Việt Nam)
Tổng Giám Đốc**

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên 2019





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019 2019 ANNUAL REPORT

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN MIRAЕ ASSET (VIỆT NAM)
MIRAЕ ASSET SECURITIES (VIETNAM) LLC

I. THÔNG TIN CHUNG/GENERAL INFORMATION

1. Thông tin khái quát/General information

- Tên giao dịch/*Trading name*:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)
MIRAE ASSET SECURITIES (VIETNAM) LIMITED LIABILITY COMPANY
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 121/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 01 năm 2016 (và các giấy phép điều chỉnh)
Incorporation and operational licence No:121/GP-UBCK issued by the State Securities Commission on 08 January 2016 (and any amended license)
- Vốn điều lệ/*Charter capital*: 5,455,500,000,000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Owner's capital*: 5,455,500,000,000 VND
- Địa chỉ/*Address*: Tầng 07, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
07th Floor, 3C Ton Duc Thang, Ben Nghe ward, District 01, HCMC
- Số điện thoại/*Telephone*: (84) 8 3910 2222
- Số fax/*Fax*: (84) 8 3910 7222
- Website: www.masvn.com

Quá trình hình thành và phát triển/*Incorporation and development process*

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset được thành lập theo Quyết định số 73/UBCK-GP ngày 18/12/2007 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước. Ngày 8/4/2009, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ban hành Quyết định số 218/QĐ-UBCK chấp thuận việc đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) ("**Công ty**").
*Mirae Asset Securities JSC was established pursuant to Decision No. 73/UBCK-GP dated 18 December 2007 of the State Securities Commission. On 8 April 2009, State Securities Commission issued Decision No. 218/QĐ-UBCK on approval of changing of name into Công ty cổ phần chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) ("**Company**").*
- Ngày 27/2/2009, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước có Quyết định số: 109/QĐ-UBCK chấp thuận việc thành lập Chi nhánh Công ty tại Hà Nội.
Tên Chi nhánh: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset – Chi Nhánh Hà Nội.
Địa chỉ Chi nhánh: Tầng 8, Phòng 810, Trung tâm thương mại Daeha, 360 đường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
Người đứng đầu Chi nhánh: Ông Kang Moon Kyung.

On 27 February 2009, State Securities Commission issued the Decision No.: 109/QD-UBCK approving the establishment of the Company Branch in Hanoi.

Name of the Branch: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset – Chi Nhánh Hà Nội.

Address of branch: 8th Floor, Room 810, Daeha Commercial Centre, 360 Kim Ma street, Ba Dinh district, Hanoi City.

Head of branch: Mr. Kang Moon Kyung.

- Thành viên lưu ký tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam (“**TTLKCK**”) theo Quyết định số 82/GCNTVLK ngày 10/1/2008 của TTLKCK.

*Custody member at Vietnam Securities Depository (“**VSD**”) pursuant to Decision No. 82/GCNTVLK dated 10 January 2008 of VSD.*

- Thành viên giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. Hà Nội theo Quyết định số 98/QD-TTGDHN ngày 14/3/2008 của Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Member of Hanoi Stock Exchange pursuant to the Decision No. 98/QD-TTGDHN dated 14 March 2008 of Hanoi Stock Exchange.

- Thành viên giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. HCM theo Quyết định số 77/QD-SGDHCM ngày 19/3/2008 của Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh.

Member of Ho Chi Minh Stock Exchange pursuant to the Decision No 77/QD-SGDHCM dated 19 March 2008 of Ho Chi Minh Stock Exchange.

- Thành viên đấu thầu tại SGDCK Tp. Hà Nội theo Giấy chứng nhận ngày 19/3/2008.

Bidding member of tại Hanoi Stock Exchange pursuant to the Certificate dated 19 March 2008.

- Ngày 10/7/2009, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước có Quyết định số: 411/QD-UBCK chấp thuận việc đổi tên và người đứng đầu Chi nhánh.

Tên Chi nhánh: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam) – Chi Nhánh Hà Nội.

Người đứng đầu Chi nhánh: Nguyễn Hoàng Yến.

On 10 July 2009, State Securities Commission issued the Decision No.: 411/QD-UBCK approving the change of name and head of Branch.

Name of Branch: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam) – Chi Nhánh Hà Nội.

Head of Branch: Nguyễn Hoàng Yến.

- Ngày 28/1/2010, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước có Quyết định số 65/QD-UBCK chấp thuận việc thay đổi địa điểm trụ sở Chi nhánh tại Hà Nội.

Địa chỉ Chi nhánh: Tầng 4, Tòa nhà số 27 phố Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

On 28 January 2010, State Securities Commission issued the Decision No. 65/QD-UBCK approving the change of the office of Hanoi Branch.

Branch's address: 4th Floor, Building No. 27 Hang Bai street, Hoan Kiem District, Hanoi.

- Ngày 6/4/2011, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ban hành Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK chấp thuận việc thay đổi địa điểm trụ sở chính của Công ty về số 91 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM.

On 6 April 2011, State Securities Commission issued the Amended Licence No. 23/GPĐC-UBCK approving the change of the head office of the Company into 91 Pateur, Ben Nghe ward, District 1, Ho Chi Minh City.

- Ngày 12/8/2013, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ban hành Giấy phép điều chỉnh số 35/GPĐC-UBCK chấp thuận thay đổi người đại diện theo pháp luật (chức danh: Tổng Giám Đốc). Theo đó, người đại diện theo pháp luật là ông Woo Young Ki.

On 12 August 2013, State Securities Commission issued the amended Licence No. 35/GPĐC-UBCK approving the change of the legal representative (position: General Director). Accordingly, the legal representative is Mr. Woo Young Ki.

- Ngày 15/04/2015, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước ban hành Giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK chấp thuận thay đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

On 15 April 2015, State Securities Commission issued the amended Licence No. 17/GPDC-UBCK approving the change of Company name into Mirae Asset Wealth Management Securities (Vietnam) JSC.

- Ngày 08/01/2016, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho Công ty. Theo đó Công ty được chuyển đổi thành Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam) với chủ sở hữu duy nhất là Công ty Mirae Asset Wealth Management (HK) Limited. Sự kiện này là cột mốc quan trọng vì Công ty đã trở thành một trong 03 công ty chứng khoán 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam.

On 08 January 2016, State Securities Commission issued the Establishment and Operational Licence to the Company. The Company accordingly has been converted into Mirae Asset Wealth Management Securities (Vietnam) LLC with the sole owner – Mirae Asset Wealth Management (HK) Limited. This is an important event as the Company has become one of 03 securities companies with 100% foreign ownership in Vietnam.

- Ngày 24/05/2016, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận cho Công ty được tăng vốn điều lệ lên 700 tỷ đồng Việt Nam.

On 24 May 2016, SSC approved the increase of charter capital of the Company to 700bil VND.

- Ngày 08/02/2017, Công ty được chấp thuận đổi tên thành Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

On 8 February 2017, the Company has been approved to change its name into Mirae Asset (Vietnam) LLC.

- Ngày 15/06/2017, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận cho Công ty được tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng Việt Nam.

On 15 June 2017, SSC approved the increase of charter capital of the Company to 2,000bil VND.

- Ngày 20/10/2017, Công ty được chấp thuận đổi trụ sở chính đến Tầng 07, tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 01, TPHCM

On 20 October 2017, the Company has been approved to change its head office location to 07th Floor, Le Meridien building, 3C Ton Duc Thang, Ben Nghe ward, District 01, HCMC

- Ngày 11/01/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thành lập Chi nhánh TPHCM tại tầng 07, 91 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 01, TPHCM

On 11 January 2018, SSC issued licence for establishment of HCMC Branch at 07th Floor, 91 Pasteur, Ben Nghe ward, District 01, HCMC

- Ngày 10/09/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận cho Công ty được tăng vốn điều lệ lên 4.300 tỷ đồng Việt Nam.

On 10th September 2018, SSC approved the increase of charter capital of the Company to 4,300 bil VND.

- Ngày 17/9/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh.

On 17 September 2018, SSC issued certificate for enough conditions for Derivertive trading business.

- Ngày 31/10/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thành lập Chi nhánh Vũng Tàu tại 102A Le Hồng Phong, phường 4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

On 31 October 2018, SSC issued licence for establishment of Vung Tau Branch at 102A Le Hong Phong. Ward 4, Vung Tau city, Ba Ria- Vung Tau Province.

Ngày 08/11/2018 Công ty được Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội chấp thuận là thành viên giao dịch thị trường chứng khoán phái sinh.

On 08 November 2018 the Company has been approved to be member of Derivative trading market by Ha Noi stock exchange.

- Ngày 03/12/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thành lập Chi nhánh Thăng Long tại Tòa nhà Gelex, 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

On 03 December 2018, SSC issued licence for establishment of Thang Long Branch at Gelex Building, 52 Le Dai Hanh street, Le Dai Hanh Ward, Hai Ba Trung District, Ha Noi city.

Ngày 03/12/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thành lập Chi nhánh Đà Nẵng tại Tòa nhà Vinh Trung plaza, 255-257 Hùng Vương, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

On 3rd December 2018, SSC issued licence for establishment of Da Nang Branch at Vinh Trung Plaza Building, 255-257 Hung Vuong, Vinh Trung ward, Thanh Khe District, Da Nang city.

Ngày 18/12/2018, Công ty được chấp thuận đổi địa chỉ chi nhánh Hà Nội tại Tòa nhà văn phòng trung tâm Hà Nội, tầng 3, số 44B Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

On 18 December 2018, the Company has been approved to change Ha Noi Branch's address to Ha Noi central office building, 3rd floor, 44B Ly Thuong Kiet street, Tran Hung Dao ward, Hoan Kiem District, Ha Noi city.

Ngày 27/03/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thành lập Chi nhánh Sài Gòn tại tầng 16, tòa nhà Green Power, số 35 đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

On 27th March 2019, SSC issued licence for establishment of Sai Gon Branch at 16th floor, Green Power Building, No.35 Ton Duc Thang street, Ben Nghe ward, District 1, Ho Chi Minh city.

Ngày 08/05/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thành lập Chi nhánh Cần Thơ tại tầng 5, tòa nhà VCCI Cần Thơ, số 12 đường Hòa Bình, phường An Cư, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

On 08th May 2019, SSC issued licence for establishment of Can Tho Branch at 5th floor, VCCI building, No.12 Hoa Binh street, An Cu ward, Ninh Kieu district, Can Tho city.

Ngày 03/06/2019, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước có Quyết định số: 422/QĐ-UBCK chấp thuận việc thay đổi người đứng đầu Chi nhánh Đà Nẵng.

Người đứng đầu Chi nhánh: Võ Thị Bạch Vi

On 03rd June 2019, State Securities Commission issued the Decision No.: 422/QĐ-UBCK approving the change of head of Branch.

Head of Branch: Vo Thi Bach Vi.

Ngày 15/10/2019 Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận cho chi nhánh Hà Nội được hoạt động lưu ký chứng khoán theo Quyết định 800/QĐ-UBCK

On 15th October 2019, SSC approved Ha Noi Branch to run Custody business according to Decision No.800/QĐ-UBCK

Ngày 21/11/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận cho Công ty được tăng vốn điều lệ lên 5,455.5 tỷ đồng Việt Nam.

On 21st November 2019, SSC approved the increase of charter capital of the Company to 5,455.5 bil VND.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ *Business line and business location*

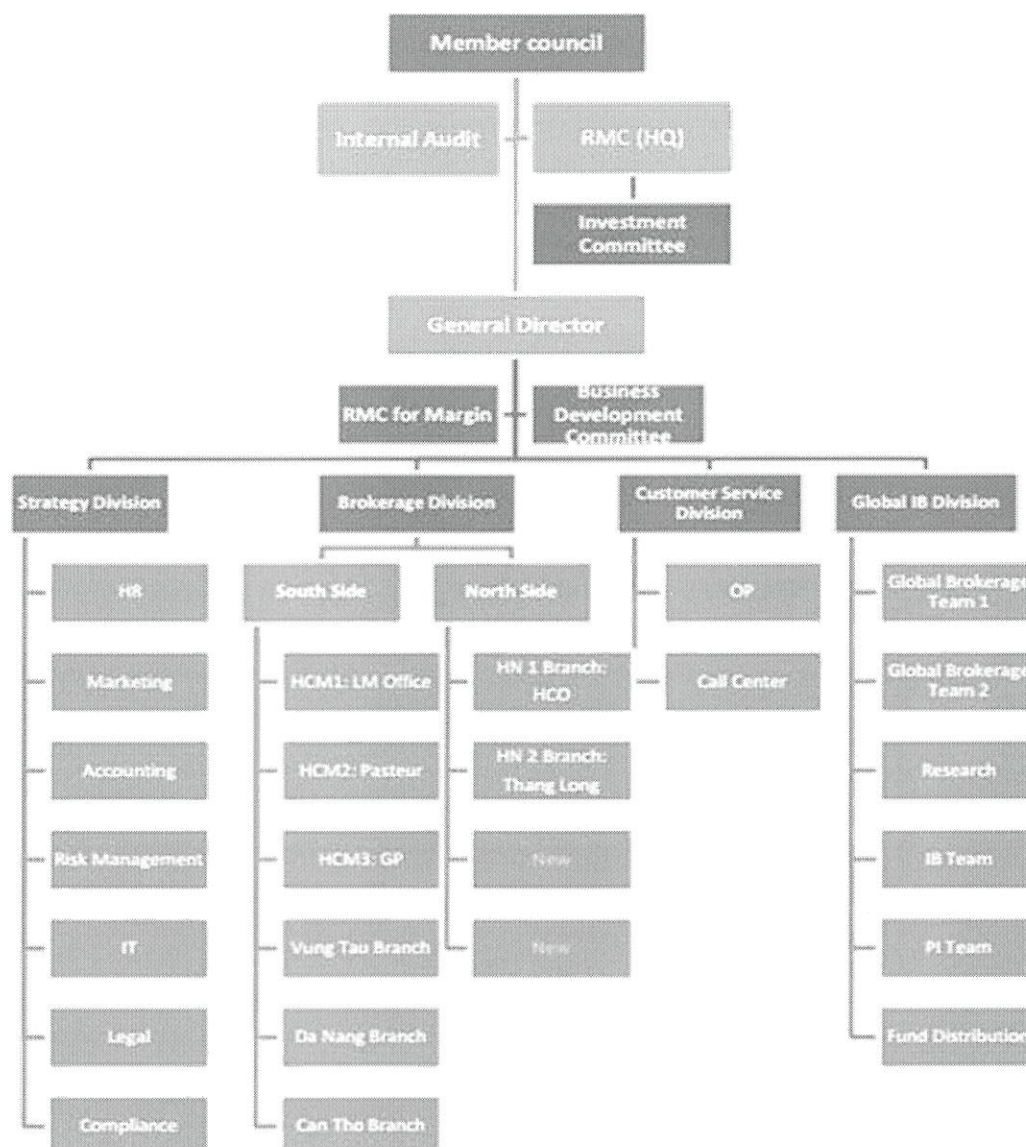
- Công ty có trụ sở chính tại Số 3C Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh và 07 Chi nhánh: (i) Chi nhánh Hà Nội tại Tầng 3, Tòa nhà HCO, 44B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội; (ii) Chi nhánh TP.HCM tại tầng 07 tòa nhà Saigon Royal, 91 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 01, TPHCM; (iii) Chi nhánh Vũng Tàu tại 102A Lê Hồng Phong, phường 4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; (iv) Chi nhánh Đà Nẵng tại Tòa nhà Vĩnh Trung plaza, 255-257 Hùng Vương, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; và (v) chi nhánh Thăng Long tại Tòa nhà Gelex, 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; (vi) Chi nhánh Cần Thơ tại Tầng 05 tòa nhà VCCI, số 12 đường Hòa Bình, phường An Cư, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ; (vii) chi nhánh Sài Gòn tại tầng 16 Tòa nhà Green Power, số 35 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty được thực hiện đầy đủ 4 nghiệp vụ sau đây:
 - Môi giới chứng khoán;
 - Tự doanh chứng khoán;
 - Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán.

The Company located at No. 3C Ton Duc Thang, Ben Nghe ward, District 1, Ho Chi Minh City and 07 Branches: (i) Hanoi branch at 3rd Floor, HCO Building 44B Ly Thuong Kiet street, Hoan Kiem district, Hanoi and (ii) HCMC Branch at 7th Floor, Saigon Royal Building, 91 Pasteur, Ben Nghe ward, District 1, Ho Chi Minh City; (iii) Vung Tau Branch at 102A Le Hong Phong, Ward 4, Vung Tau city, Ba Ria- Vung Tau Province; (iv) Da Nang Branch at Vinh Trung Plaza Building, 255-257 Hung Vuong, Vinh Trung ward, Thanh Khe District, Da Nang city; and (v) Thang Long Branch at Gelex Building, 52 Le Dai Hanh street, Le Dai Hanh Ward, Hai Ba Trung District, Ha Noi city; (vi) Can Tho Branch at 5th floor VCCI building, No.12 Hoa Binh street, An Binh ward, Ninh Kieu District, Can Tho city; (vii) Sai Gon Branch at 16th Green Power building, No.35 Ton Duc Thang street, Ben Nghe ward, District 1, Ho Chi Minh city. The Company is permitted to engage in the following business line:

- *Securities brokerage;*
 - *Securities self-trading;*
 - *Underwriting issues of securities;*
 - *Securities investment consultancy.*
- Hiện nay Công ty chủ yếu thực hiện các nghiệp vụ chính là Môi giới chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán và Tự doanh chứng khoán.

The Company now mainly engages in Securities brokerage, Securities investment consultancy and securities self-trading.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý *Information on management and organisational structure and management system*



Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý (tính đến nay)/ *Management structure and organizational structure (up to present)*

Công ty liên kết/Associated companies

Công ty đã thực hiện đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH Mirae Asset Realty (Việt Nam), một công ty trách nhiệm hữu hạn 02 thành viên được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng Nhận Đầu Tư số 411022000515 do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/04/2010.

1. Địa chỉ: Tòa nhà Saigon Trade Center, số 37, đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 01, TPHCM
2. Ngành nghề kinh doanh: dịch vụ quản lý bất động sản
3. Vốn điều lệ thực góp và tỷ lệ góp vốn: tổng số vốn đã góp là 572.620.000 VNĐ (tương đương 14.99% vốn điều lệ của Công ty TNHH Mirae Asset Realty (Việt Nam))

The Company has contributed capital for the establishment of Mirae Asset Realty (Vietnam) Limited, a limited liability company with 02 members established and operated in accordance with the Investment Certificate No. 411022000515 issued by the Ho Chi Minh City People's Committee on 22 April 2010.

1. *Address: Saigon Trade Center Building, No. 37, Ton Duc Thang street, Ben Nghe ward, District 01, HCMC*
2. *Scope of business: real estate management service*
3. *Contributed capital and contribution ratio: the total capital has been contributed: VND 572,620,000 (equivalent to 14.99% charter capital of Mirae Asset Realty (Vietnam) Limited)*
4. *Định hướng phát triển/Development orientations*
- 4.1 *Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/Main objectives of the Company*

- *Về mục tiêu kinh doanh: Với mong muốn đem đến cho khách hàng những dịch vụ tốt nhất thông qua việc nâng cấp, hoàn thiện các sản phẩm dịch vụ của Công ty.*

Business objectives: with the objective to provide the clients the best services by improvement and completion of all services of the Company.

- *Về phát triển con người: Công ty cũng chú trọng đến công tác tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ, nhân viên thực sự có năng lực, có đạo đức nghề nghiệp, nắm bắt và đáp ứng kịp thời mọi nhu cầu của khách hàng. Vì thế, đội ngũ nhân viên Bộ phận Môi giới và Tư vấn đầu tư chứng khoán được Công ty đặc biệt quan tâm. Hiện tại, nhân viên làm việc tại Bộ phận này đều đã trang bị cho mình đầy đủ bằng cấp, chứng chỉ cũng như có bề dày kinh nghiệm và thâm niên trong lĩnh vực này.*

Human resources development: The Company always pays attention to recruitment and training of managers and staff who have capacity and professional ethics, to understand and satisfy all requirements of the clients. Therefore, employees of Securities brokerage and investment consultancy are focused on. Now employees working at these divisions have sufficient qualifications and certificates as well as experience in such industry.

- *Về quản lý Công ty: Trong năm qua Công ty đã cập nhật cũng như chỉnh sửa nhiều quy trình nghiệp vụ chuyên môn, đồng thời cũng đang rà soát và sửa đổi quy trình liên quan đến quản trị rủi ro nhằm đảm bảo tốt nhất các hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như các nguyên tắc riêng của Tập đoàn và Công ty.*

Management of the Company: In a year the Company has updated and amended many professional rules, as well as reviewed and amended the risk management rules in order to ensure that the business activities of the Company comply with the laws and internal rules of the Group and the Company.

Trên cơ sở đánh giá, phân tích kinh tế vĩ mô cũng như thị trường chứng khoán, mục tiêu chủ yếu của Công ty giai đoạn 2019-2020 là nâng cao năng lực tài chính và cải thiện năng lực cạnh tranh nhằm giữ vững vị thế và khẳng định thương hiệu của một tổ chức tài chính chuyên nghiệp.

Based on the assessment and analysis of macro economy and securities market, the objectives of the Company in the period of 2019-2020 are increase the financial capacity and improve the competition capacity for holding position and brand name of a professional financial group.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn/*Development strategies in medium and long-term basis*

- Mục tiêu sắp tới là tiến hành mở rộng hoạt động kinh doanh, nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường.

The next objective is to expand the business activities and improve the competition capacity in the market.

- Mở rộng phát triển khách hàng cá nhân, tìm kiếm các cơ hội đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong nước và ngoài nước đầu tư vào Việt Nam. Chú trọng vào đội ngũ ngân hàng đầu tư.

Expanding and developing retail brokerage, seeking investment opportunities and supporting companies, local and foreign investors in investment in Vietnam. Focusing on investment banking team.

5. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to corporate environment, society and community sustainability*

- Nhận thức được tầm quan trọng của trách nhiệm doanh nghiệp đối với xã hội trong việc tạo ra sự cân bằng giữa kinh doanh và sự phát triển của cộng đồng, Công ty cũng đã tổ chức các hoạt động mang tính cộng đồng và khuyến khích nhân viên tích cực tham gia (như vận động đóng góp từ thiện, tham gia hỗ trợ, tài trợ cho các chương trình từ thiện...). Công ty sẽ tiếp tục phát huy và tích cực nhân rộng hoạt động cộng đồng này.

To aware the important of enterprise responsibility to the society in balancing between business and community development, the Company has organized the community activities and encouraged staff to participate in (such as charitable contribution, sponsor to charity programme, etc). The Company shall continue promoting this community activity.

- Ngoài ra, nhằm tạo sự gắn kết và hiểu biết nhau trong cộng đồng làm việc ở Công ty, Công ty cũng tổ chức các hoạt động liên hoan, văn nghệ, dã ngoại, giao lưu giữa các thành viên trong Công ty.

In addition, in order to create the solidarity within the working community in the Company, the Company has organized picnics, entertainment and exchange relation among the employees in the Company.

6. Các rủi ro/*Risks*

- Kể từ khi thành lập đến nay, thị trường chứng khoán Việt Nam luôn tạo ra sự hấp dẫn thông qua những cơn sóng lớn, nhỏ ở bất cứ giai đoạn phát triển nào của nền kinh tế. Đặc tính của chứng khoán Việt Nam là thị trường mới nổi, còn non trẻ và cần nhiều thời gian để hoàn thiện, phát triển. Do đó, tâm lý nhà đầu tư dễ bị lung lay và phải luôn đối mặt với các thách thức bán tháo khi nhà đầu tư mất niềm tin vào thị trường hoặc nền kinh tế. Điều này dẫn đến nguy cơ khó gia tăng số lượng nhà đầu tư ảnh hưởng đến lợi nhuận và định hướng phát triển dài hạn của Công ty.

From the establishment up to date, Vietnam stock market is always interesting due to the big and small waves in any period of economy. The features of Vietnam stock exchange are a new market and needs time to develop. Therefore, the psychology of the investors is not stable and face with the ability of selling stock quickly when they do not trust on the market or the economy. The increase of number of investors is difficult because of this issue.

- Điểm yếu của thị trường chứng khoán Việt Nam là tính minh bạch chưa cao, nguồn tin và báo cáo còn nhiều sai lệch, chưa kể nhà đầu tư trong nước cũng còn thiếu hiểu biết cũng như kinh nghiệm đầu tư. Ngoài ra, biên độ dao động lớn sẽ là yếu tố rủi ro rất cao cho những nhà đầu tư lạm dụng đòn bẩy tài chính. Đồng thời, những rủi ro về lãi suất tăng cao và lạm phát cũng tác động không nhỏ đến các quyết định mua, bán chứng khoán của nhà đầu tư. Chính điều này tạo tâm lý e ngại cho Công ty trong việc mở rộng các sản phẩm dịch vụ của Công ty.

The weakness of Vietnam stock market is the transparency is low, information and reports are not correct, the local investors do not understand and lack of investment experience, etc. In addition, the significant fluctuation in trading band shall be the high risk for investors who get advantage from financial tools. This is problem that the Company should consider in expanding of services.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM/YEARLY OPERATIONS

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh *Situation of production and business operations*

- 1.1 Năm 2019 là năm thị trường chứng khoán biến động mạnh mẽ. Nắm bắt cơ hội đó, trong năm 2019 Công ty đã nỗ lực trong hoạt động kinh doanh, trong đó đẩy mạnh cả hoạt động môi giới, ngân hàng đầu tư và tự doanh. Do đó, Công ty đã có lợi nhuận tốt trong năm 2019.

In 2019, the securities market has changed strongly. Catching up this opportunity, the Company has used the best effort in business operation, in which to improve the brokerage, investment banking and principal investment activities. The Company has significant profit in 2019.

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch/Implementation situation

- Năm 2019, Công ty đã có cải thiện đáng kể đối với vấn đề vận hành hệ thống và triển khai hoạt động ngân hàng đầu tư, môi giới cá nhân, thành lập thêm chi nhánh

In 2019, the Company has the significant improvement in system operation and implementation of investment banking and retail brokerage, establishment of branches.

- Trong năm 2019, Công ty đạt lợi nhuận sau thuế 378.021.491.729 VNĐ.

In 2019, the Company obtained the after tax profit around VND 378.021.491.729

2. Tổ chức và nhân sự/*Organisation and Human resource*
2.1. Danh sách Ban Điều Hành/*List of management persons*

i) Ông Seol Kyung Suk – Chủ tịch HĐQT

Chuyên môn chính:

- Cử nhân luật tại Đại học Hàn Quốc
- Có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm & chứng khoán

Kinh nghiệm nổi bật

Ông Seol Kyung Suk có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý điều hành công ty bảo hiểm và công ty chứng khoán của tập đoàn Mirae Asset. Ông đóng góp rất nhiều trong việc cải tiến sản phẩm, quản lý vận hành và lập chiến lược marketing. Ông Seol Kyung Suk là một trong những quản lý cấp cao của tập đoàn Mirae Asset.

Mr. Seol Kyung Suk – Chairman of MC

Key qualifications:

- BA, major in law at Korean University
- Having strong experience in insurance and securities practices

Selected experience

Mr. Seol Kyung Suk has strong experience in management of the insurance company and securities company of Mirae Asset Financial group. He has contributed in products innovation, business management and marketing strategy. Mr. Seol Kyung Suk is one of senior directors of Mirae Asset Financial group.

ii) Ông Han Won Dong – Thành viên HĐQT

Chuyên môn chính:

- Cử nhân Khoa học chính trị và Ngoại giao tại Đại học Yonsei
- Có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng

Kinh nghiệm nổi bật

Ông Han Won Dong đã từng công tác tại Ngân hàng Standard Chartered Bank trước khi gia nhập tập đoàn Mirae Asset. Ông Han tham gia rất nhiều dự án đầu tư của tập đoàn Mirae Asset bao gồm lĩnh vực bất động sản. Ông đồng thời cũng là nhà hoạch định tài chính chuyên nghiệp của công ty chứng khoán Mirae Asset tại Hàn Quốc.

Mr. Han Won Dong – Member of MC

Key qualifications:

- BA, major in Political Science & Diplomacy at Yonsei University
- Having many years of experience in banking/finance industry

Selected experience

Mr. Han Won Dong has been worked for Standard Chartered Bank before he becomes a member of Mirae Asset Financial group. Mr. Han has joined a lot of investment projects of Mirae Asset Financial group including real estate business. He is also the professional financial planning specialist of Mirae Asset securities company in Korea

iii) Ông Kang Moon Kyung – Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc

Chuyên môn chính:

- Cử nhân kinh tế Tại Đại học Hàn Quốc
- Đã từng tham gia thành lập các pháp nhân tại Châu Mỹ của tập đoàn Mirae Asset

Kinh nghiệm nổi bật

Ông Kang Moon Kyung là Tổng giám đốc Công ty và hiện tại đang quản lý Bộ phận Kinh doanh Chứng khoán

Ông Kang Moon Kyung trước đây đã làm việc tại tập đoàn Mirae Asset - Bộ phận chiến lược và đầu tư nước ngoài tại Hàn Quốc. Bộ phận có chức thành lập, quản lý các pháp nhân của tập đoàn trên thế giới bao gồm Châu Âu và Châu Mỹ.

Ông Kang có kinh nghiệm sâu rộng trong việc tư vấn cho khách hàng về phát triển và thực hiện chiến lược cũng như thúc đẩy quy trình làm việc nhằm tăng hiệu quả hoạt động công ty.

Ông Kang Moon Kyung gia nhập Công ty từ những ngày đầu. Ông có kiến thức sâu rộng về hoạch định chiến lược, đầu tư chứng khoán. Ông cũng rất am hiểu về môi trường kinh doanh tại Việt Nam.

Mr Kang Moon Kyung – Member of MC/CEO

Key qualifications

- BA, major in Economic at Korean University
- Participating in setting up subsidiaries in America

Selected experience

Mr Kang Moon Kyung is Chief Executive Officer of the Company, and currently leading Securities Business Division.

Mr Kang Moon Kyung has worked for Mirae Asset Financial group – Global Strategy and Investment Division in Korea. Such division will establish, manage subsidiaries around the world including Europe and America.

His extensive professional experience includes advising clients in the development and implementation of strategies as well as simulation of working processes to verify operational readiness.

His experience also includes the provision of tax and consulting services to a number of large multi-national clients with business activities in Korea. He has assisted a number of clients in setting up their business and structuring their activities efficiently for tax purposes.

Mr Kang Moon Kyung has joined the Company since the very initial stage and has deeply involved in establishing the company from the beginning. He has broad knowledge of strategy and investment, and also possesses an excellent knowledge of the Vietnam business environment.

2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động/*Number of staff and summary of the policies for employees*

- Tổng số nhân viên của Công ty vào cuối năm 2019 là 207 người.
Total employees of the Company at the end of 2019: 207 persons
- Chính sách đối với người lao động: các chế độ bảo hiểm theo quy định, chương trình kiểm tra sức khỏe hàng năm, chương trình đào tạo, thưởng Tết và chương trình phụ cấp chứng chỉ hành nghề cho nhân viên có chứng chỉ hành nghề.
Policies for employees: insurance scheme, health-check every year, training programme, Tet bonus and allowance for practitioners.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/*Investment activities, project implementation*

- Các khoản đầu tư lớn: Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không có khoản đầu tư lớn nào.

Significant investment: Up to date, the Company has no significant investment

- Công ty liên kết: như đã đề cập tại Mục I.3, Công ty có công ty liên kết do có phần vốn góp không chi phối tại Công ty TNHH Mirae Asset Realty (Việt Nam)

Associated company: as mentioned in Item I.3, the Company has the associated company given the non-control contribution capital at Mirae Asset Realty (Vietnam) Limited

4. Tình hình tài chính/*Financial situation*

a) Tình hình tài chính/*Financial situation*

Chỉ tiêu/Financial Figure	2018	2019	% tăng, giảm/% change
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	6.747.458.825.151	9.845.812.011.073	46%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	560.914.750.836	942.070.893.711	68%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	251.276.230.759	456.885.294.263	82%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	649.287.393	196.263.936	-70%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	251.925.518.152	457.081.558.199	81%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	199.409.967.652	378.021.491.729	90%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>			

- Các chỉ tiêu khác/*other figures*: N/A

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial benchmarks*

Các chỉ tiêu/Benchmarks	2018	2019	Ghi chú/Note
<p>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/<i>Solvency ratio</i></p> <p>Hệ số thanh toán ngắn hạn/<i>Current ratio</i>: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Assets/Short term Debt</i>)</p> <p>Hệ số thanh toán nhanh/<i>Quick ratio</i>: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <i>Short-term Asset-Inventories</i> <i>Short-term Debt</i></p>	3	2.5	
<p>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/<i>capital structure ratio</i></p> <p>Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/total asset ratio</i>)</p> <p>Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owner's Equity ratio</i>)</p>	31.74%	37.67%	
<p>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/<i>Operation capability Ratio</i></p> <p>Vòng quay hàng tồn kho/<i>Inventory turnover</i>: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)</p> <p>Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/Total Assets</i>)</p>	8.3%	9.6%	
<p>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/<i>Target on Profitability</i></p> <p>Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/Net revenue ratio</i>)</p> <p>Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/total capital ratio</i>)</p> <p>Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/Total assets ratio</i>)</p> <p>Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/Net revenue ratio</i>)</p>	51.1%	35.55%	
	5.69%	4.33%	
	4.76%	2.96%	
	62.44%	44.91%	

5. Cơ cấu sở hữu, thay đổi vốn chủ sở hữu/*Ownership structure, change in the owner's equity*

a) Vốn góp/*Contribution capital*: 2.000 tỷ/2,000bil VND

b) Chủ sở hữu/*Ownership structure*

Tên chủ sở hữu/<i>Name of owner</i>	Vốn góp/<i>Contribution capital</i>	Tỷ lệ/<i>Ratio</i>
Mirae Asset Securities (HK) Limited	5,455,500,000,000 VND	100

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Change in the owner's equity*

Trong năm 2019, chủ sở hữu Công ty đã tiến hành góp thêm 1,155,500,000,000 VNĐ vốn điều lệ, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 5,455,500,000,000 VNĐ VNĐ.

In 2019, owner of the Company has contributed additional 1,155,500,000,000 VND, increasing the charter capital of the Company to 5,455,500,000,000 VND.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/*Transaction of treasury stocks*:N/A

e) Các chứng khoán khác/*Other securities*:N/A

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/*Report related impact of the Company on the environment and society*

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/*Management of raw materials*: N/A

6.2. Tiêu thụ năng lượng/*Energy consumption*: N/A

6.3. Tiêu thụ nước/*Water consumption*: N/A

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/*Compliance with the law on environmental protection*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*Number of times the Company is fined for failing to comply with laws and regulations on the environment*: Không có/*None*

b) Tổng số tiền bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment*: Không có/*None*

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/*Policies related to employees*

a) Số lượng lao động /*Number of employees*: 207

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labour policies to ensure health, safety and welfare of workers*: khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm y tế, v.v/*periodical health-check, medical insurance, etc.*

c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và phân loại nhân viên/*The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff*: 08 giờ/năm (08 hours/year)

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skill development and continuous learning program to support worker's employment and career development: N/A*

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/*Report on responsibility for local community*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/*The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service*

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCK/*Green capital market activities under the guidance of the SSC: N/A*

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC/*REPORT AND ASSESSMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT*

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/*Assessment of operating results*

- Trong năm 2019, Công ty đã phát triển hoạt động tự doanh và đạt được lợi nhuận trên khoản đầu tư này. Đối với hoạt động môi giới và tư vấn đầu tư, doanh số tăng so với năm trước.

In 2019, the Company has developed the principal investment and obtained the profit in this type of investment. In relation to brokerage and investment consultancy services, the revenue has increased in comparison with last year.

- Những tiến bộ Công ty đã đạt được: hệ thống đã vận hành ổn định, doanh số tăng trong năm mặc dù thị trường chứng khoán có nhiều biến động, phát triển kinh doanh một cách bền vững.

The Company's achievements: the system has operated smoothly, the revenue has increased in the year even though the securities market has fluctuation, the business has the sustainability development.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY/*ASSESSMENT OF THE MEMBERS' COUNCIL ON THE COMPANY'S OPERATION*

Đánh giá của Hội đồng thành viên về các mặt hoạt động của Công ty/*Assessment of the Members' Council on the Company's operation*

Công ty đã hoạt động theo đúng chủ trương, Nghị quyết của Hội đồng Thành viên và tuân thủ quy định hiện hành về chứng khoán.

The Company has operated in accordance with the policies, Resolutions of the Members' Council and complied with the current regulations on Securities business.

Đánh giá của Hội đồng thành viên về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty/*Assessment of the Members' Council on the Board of Director's performance*

Hội đồng thành viên cũng đánh giá cao tinh thần của Ban Giám đốc trong việc điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty trong suốt năm 2019.

The Members' Council appreciates the performance of the Board of Directors in management of the business operation of the Company in 2019.

Các kế hoạch, định hướng của Công ty năm 2019/*Plans, orientations of the Company in 2019*

Trong năm 2019, Công ty sẽ tiến hành mở rộng hoạt động kinh doanh như tăng nhân sự môi giới và mở thêm chi nhánh. Ngoài ra, Công ty sẽ đẩy mạnh mở rộng hoạt động marketing, nâng cao vị thế cạnh tranh trên thị trường

In 2019, the Company shall expand its business such as increase of number of brokers and establish branch. In addition, the Company shall expand the marketing activities and improve the competition capacity in the market.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY: N/A

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý Kiến Kiểm toán/*Auditor's opinions*



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Nhà đầu tư Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) ("Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 6 đến trang 57.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00311/2*2-20-1



Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2019-007-1

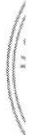
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements*



**Công ty TNHH Chứng khoán
Mirae Asset (Việt Nam)**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động số**

73/UBCK-GP

ngày 18 tháng 12 năm 2007

Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 68/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 11 năm 2019.

Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hội đồng Thành viên

Ông Seol Kyung Suk
Ông Kang Moon Kyung
Ông Han Won Dong

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Youman Kim
Bà Dương Tuyết Mai

Trưởng ban
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Kang Moon Kyung

Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính

Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien
3C Tôn Đức Thắng
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Chi nhánh Hà Nội Tầng 3, Tòa nhà HCO
44B Lý Thường Kiệt
Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội
Việt Nam

Chi nhánh Thăng Long Tòa nhà Gelex
52 Lê Đại Hành
Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng
Hà Nội
Việt Nam

*Chi nhánh Thành phố
Hồ Chí Minh* Tầng 7, Tòa nhà Saigon Royal
91 Pasteur
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Sài Gòn Tầng 16, Tòa nhà Green Power
35 Tôn Đức Thắng
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Vũng Tàu Tầng 7, 102A Lê Hồng Phong
Phường 4, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Việt Nam

Chi nhánh Đà Nẵng Tòa nhà Vĩnh Trung Plaza
225-227 Hùng Vương
Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Chi nhánh Cần Thơ Tầng 15, Tòa nhà VCCI Cần Thơ
12 Hòa Bình
Phường An Cư, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 57 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư 334 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B01 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)		9.129.514.460.724	6.106.963.281.762
I	Tài sản tài chính (“TSTC”)		9.112.828.099.323	6.101.063.201.071
1	Tiền và các khoản tương đương tiền		843.707.475.450	80.432.110.541
1.1	Tiền		2.407.475.450	432.110.541
1.2	Các khoản tương đương tiền		841.300.000.000	80.000.000.000
2	Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)		2.595.532.058	70.657.838.048
3	Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		550.000.000.000	2.222.500.000.000
4	Các khoản cho vay		7.384.721.467.138	3.582.895.595.544
5	TSTC sẵn sàng để bán (“AFS”)		268.083.493.500	70.062.904.000
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính		(5.858.102.914)	(5.858.102.914)
7	Các khoản phải thu		62.904.906.396	73.696.561.241
7.1	Phải thu từ bán tài sản tài chính		-	3.096.972.000
7.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ TSTC		62.904.906.396	70.599.589.241
8	Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.880.362.284	4.489.607.983
9	Phải thu các dịch vụ cung cấp		2.795.488.064	1.276.211.410
10	Các khoản phải thu khác		1.997.477.347	910.475.218
II	Tài sản ngắn hạn khác		16.686.361.401	5.900.080.691
1	Tạm ứng		292.262.311	39.646.681
2	Chi phí trả trước ngắn hạn		16.391.899.090	5.858.234.010
3	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		2.200.000	2.200.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	200		716.297.550.349	640.495.543.389
I Tài sản tài chính dài hạn	210		660.572.618.000	590.572.618.000
1 Các khoản đầu tư	212		660.572.618.000	590.572.618.000
1.1 Đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	212.1	7(b)	660.000.000.000	590.000.000.000
1.2 Đầu tư dài hạn khác	212.4	7(e)	572.618.000	572.618.000
II Tài sản cố định	220		12.418.984.642	8.907.443.416
1 Tài sản cố định hữu hình	221	11	6.829.114.059	7.956.657.713
<i>Nguyên giá</i>	222		19.589.309.667	19.410.916.997
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223a		(12.760.195.608)	(11.454.259.284)
2 Tài sản cố định vô hình	227	12	5.589.870.583	950.785.703
<i>Nguyên giá</i>	228		15.336.063.519	9.296.422.561
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229a		(9.746.192.936)	(8.345.636.858)
III Xây dựng cơ bản dở dang	240	13	-	4.790.100.000
IV Tài sản dài hạn khác	250		43.305.947.707	36.225.381.973
1 Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		6.223.184.321	5.014.731.921
2 Chi phí trả trước dài hạn	252	10(b)	18.852.815.251	16.018.472.393
3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	19	517.810.772	-
4 Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	254	14(a)	7.690.764.818	5.190.764.818
5 Tài sản dài hạn khác	255	14(b)	10.021.372.545	10.001.412.841
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		9.845.812.011.073	6.747.458.825.151

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
 Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
C	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)		3.708.715.930.260	2.141.904.825.567
I	Nợ phải trả ngắn hạn		3.603.680.554.018	2.080.594.130.005
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		2.809.435.000.000	1.798.360.000.000
1.1	Vay ngắn hạn		2.809.435.000.000	1.798.360.000.000
2	Trái phiếu phát hành ngắn hạn		647.000.000.000	220.000.000.000
3	Phải trả người bán		650.085.000	1.779.180.000
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		31.669.033.126	22.600.996.630
5	Chi phí phải trả		112.492.730.102	37.140.633.533
6	Doanh thu chưa thực hiện		344.818.182	323.909.090
7	Các khoản phải trả khác		2.088.887.608	389.410.752
II	Nợ phải trả dài hạn		105.035.376.242	61.310.695.562
1	Trái phiếu phát hành dài hạn		105.000.000.000	50.000.000.000
2	Dự phòng phải trả dài hạn		35.376.242	35.376.242
3	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	11.275.319.320
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)		6.137.096.080.813	4.605.553.999.584
I	Vốn chủ sở hữu		6.137.096.080.813	4.605.553.999.584
1	Vốn góp		5.455.500.000.000	4.300.000.000.000
1.1	Vốn góp		5.455.500.000.000	4.300.000.000.000
2	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		3.351.817.185	5.331.227.685
3	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		34.048.313.735	15.246.209.674
4	Quỹ dự phòng tài chính		34.048.313.735	15.246.209.674
5	Lợi nhuận chưa phân phối		610.147.636.158	269.730.352.551
5.1	Lợi nhuận đã thực hiện		610.195.028.046	261.467.026.377
5.2	(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(47.391.888)	8.263.326.174
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)			9.845.812.011.073	6.747.458.825.151

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Mã số	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY			
1 TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (“VSD”) của Công ty	008	2.033.730.000	27.432.840.000
2 TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Công ty	009	1.660.000	1.660.000
3 TSTC chưa lưu ký tại VSD	012	464.127.680.000	20.116.080.000
4 TSTC được hưởng quyền của Công ty	013	120.000	10.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
1 TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư/khách hàng	021	12.468.594.465.137	6.775.059.700.000
<i>a. TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>021.1</i>	<i>12.139.802.700.000</i>	<i>6.389.585.500.000</i>
<i>b. TSTC hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>021.2</i>	<i>2.881.530.000</i>	<i>2.502.170.000</i>
<i>c. TSTC giao dịch cầm cố</i>	<i>021.3</i>	<i>325.889.500.000</i>	<i>241.712.930.000</i>
<i>d. TSTC chờ thanh toán</i>	<i>021.5</i>	<i>20.735.137</i>	<i>141.259.100.000</i>
2 TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư/khách hàng	022	75.835.320.000	7.999.230.000
<i>a. TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	<i>022.1</i>	<i>75.835.320.000</i>	<i>7.999.230.000</i>
3 TSTC được hưởng quyền của nhà đầu tư/khách hàng	025	8.238.270.000	5.985.910.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)


Mẫu B01 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)


	Mã số	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
5 Tiền gửi của khách hàng	026	371.658.107.768	402.158.106.996
5.1 Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	027	200.155.742.168	117.646.824.396
5.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	171.502.365.600	284.511.282.600
6 Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031	371.658.107.769	402.158.106.996
6.1 Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.1	291.659.906.951	345.765.104.890
6.2 Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.2	79.998.200.818	56.393.002.106

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán trưởng

Người soát xét:


Bà Trần Thị Thanh Thủy
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:


Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc


S.Đ.Đ: 121 - 01/2016/TT-BTC
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
CHỨNG KHOÁN
MIRAE ASSET
(VIỆT NAM)
QUẬN 1 - T. PH. TH. HCM

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B02 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND		
I DOANH THU HOẠT ĐỘNG						
1.1		Lãi từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL 01	27.609.779.674	77.248.585.070		
		<i>a. Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>				
	01.1	21(a)	17.459.813.432	73.093.627.484		
		<i>b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>				
	01.2	21(b)	8.423.209.056	3.265.885.414		
		<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>				
	01.3	21(c)	1.726.757.186	889.072.172		
1.2		Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn 02	21(c)	170.059.907.497	137.694.713.393	
1.3		Lãi từ các khoản cho vay và phải thu 03	21(c)	572.839.011.354	210.919.551.254	
1.4		Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) 04		37.489.082	1.594.550.000	
		<i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các AFS</i>				
	04.1	21(c)	37.489.082	1.594.550.000		
1.5		Doanh thu môi giới chứng khoán 06	21(d)	151.805.521.314	128.462.909.238	
1.6		Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính 08	21(d)	13.473.194.174	781.725.424	
1.7		Doanh thu lưu ký chứng khoán 09	21(d)	4.607.584.996	2.449.905.198	
1.8		Thu nhập hoạt động khác 11	21(d)	1.638.405.620	1.762.811.259	
Cộng doanh thu hoạt động			20	942.070.893.711	560.914.750.836	
II CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG						
2.1		Lỗ từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL 21		23.431.649.253	68.279.542.952	
		<i>a. Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>				
	21.1	21(a)	6.697.722.135	21.812.420.025		
		<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>				
	21.2	21(b)	16.733.927.118	46.467.122.927		
2.2		Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu và chi phí đi vay 24	22	205.401.410.358	68.724.185.931	
2.3		Chi phí môi giới chứng khoán 27	23	203.778.315.002	124.038.985.648	
2.4		Chi phí dịch vụ tư vấn đầu tư 29		-	9.754.000	
2.5		Chi phí lưu ký chứng khoán 30		3.970.313.220	3.063.190.111	
Cộng chi phí hoạt động			40	436.581.687.833	264.115.658.642	
III DOANH THU TÀI CHÍNH						
3.1		Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện 41		12.480.400.000	22.284	
3.2		Lãi tiền gửi không kỳ hạn 42		9.829.744	6.389.146	
Cộng doanh thu hoạt động tài chính			50	24	12.490.229.744	6.411.430

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B02 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

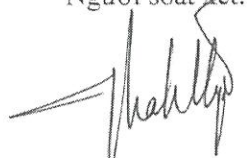
	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
IV CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		960.000.000	5.580.798.394
Cộng chi phí tài chính	60	25	960.000.000	5.580.798.394
V CHI PHÍ QUẢN LÝ	62	26	60.134.141.359	39.948.474.471
VI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 - 40 + 50 - 60 - 62)	70		456.885.294.263	251.276.230.759
VII THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
7.1 Thu nhập khác	71		240.010.593	652.893.742
7.2 Chi phí khác	72		43.746.657	3.606.349
Kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		196.263.936	649.287.393
VIII TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		457.081.558.199	251.925.518.152
8.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		465.392.276.261	295.126.755.665
8.2 Lỗ chưa thực hiện	92		(8.310.718.062)	(43.201.237.513)
IX CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		79.060.066.470	52.515.550.500
9.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	27	90.853.196.562	49.756.343.279
9.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	27	(11.793.130.092)	2.759.207.221
X LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		378.021.491.729	199.409.967.652
XI THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC	300		(1.979.410.500)	-
11.1 Lỗ từ đánh giá lại các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	301	21(b)	(1.979.410.500)	-
XII TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN (400 = 200 + 300)	400		376.042.081.229	199.409.967.652

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Người lập:


 Bà Cao Thị Bảo Lê
 Kế toán trưởng

Người soát xét:


 Bà Trần Thị Thanh Thủy
 Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03b – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2019 VND	2018 VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế TNDN	01	457.081.558.199	251.925.518.152
2 Điều chỉnh cho các khoản	02	164.882.141.870	33.504.607.757
Khấu hao và phân bổ	03	3.601.292.402	2.251.588.540
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	(9.980.400.000)	2.425.000.000
Chi phí lãi	06	163.576.566.623	60.130.440.406
Lãi từ hoạt động đầu tư	07	(10.000.000)	-
Dự thu tiền lãi	08	7.694.682.845	(31.302.421.189)
3 Chi phí phi tiền tệ	10	16.733.927.118	46.467.122.927
Lỗ từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	11	16.733.927.118	46.467.122.927
4 Doanh thu phi tiền tệ	18	(8.423.209.056)	(3.265.885.414)
Lãi từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	19	(8.423.209.056)	(3.265.885.414)
5 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động (30 = 01 + 02 + 10 + 18)	30	630.274.418.131	328.631.363.422
Giảm các TSTC ghi nhận theo FVTPL	31	59.751.587.928	94.689.805.144
Giảm/(tăng) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32	1.602.500.000.000	(1.694.500.000.000)
Tăng các khoản cho vay	33	(3.801.825.871.594)	(2.510.377.224.764)
Tăng tài sản tài chính sẵn sàng để bán	34	(198.020.589.500)	(54.214.700.000)
Giảm phải thu từ bán tài sản tài chính	35	3.096.972.000	363.345.000
Giảm phải thu cổ tức và tiền lãi từ các TSTC	36	-	(2.962.747.800)
Tăng các khoản phải thu các dịch vụ cung cấp	37	(1.519.276.654)	(715.403.202)
Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác	39	1.522.243.570	(4.592.386.856)
Tăng các tài sản khác	40	(5.960.438.234)	(14.586.489.847)
Tăng chi phí phải trả	41	28.206.225.403	5.197.498.942
Tăng chi phí trả trước	42	(13.368.007.938)	(9.625.454.915)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	43	(85.813.888.266)	(37.653.050.450)
Tiền lãi đã trả	44	(116.430.695.457)	(43.045.750.194)
(Giảm)/tăng phải trả cho người bán	45	(1.129.095.000)	1.258.559.501
Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47	4.028.728.200	899.583.437
(Tăng)/giảm phải trả khác	51	1.720.385.948	(1.845.680.272)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(1.892.967.301.463)	(3.943.078.732.854)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B03b – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2019 VND	2018 VND
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(2.322.733.628)	(8.725.327.400)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản khác	62	10.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(2.312.733.628)	(8.725.327.400)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ góp vốn	71	1.155.500.000.000	2.300.000.000.000
Tiền thu từ đi vay và phát hành trái phiếu	73	18.634.228.005.000	10.476.942.100.000
Tiền chi trả nợ gốc vay và trái phiếu đã phát hành	74	(17.131.172.605.000)	(8.784.972.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	2.658.555.400.000	3.991.970.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60 + 70 + 80)	90	763.275.364.909	40.165.939.746
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	80.432.110.541	40.266.170.795
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (103 = 90 + 101) (Thuyết minh 5)	103	843.707.475.450	80.432.110.541
▪ Tiền	103.1	2.407.475.450	432.110.541
▪ Các khoản tương đương tiền	103.2	841.300.000.000	80.000.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

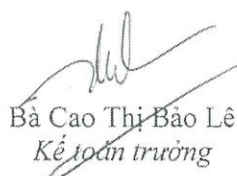
Mẫu B03b – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

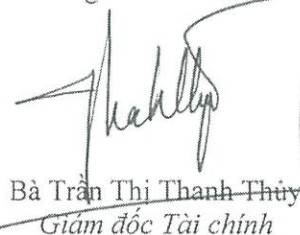
	Mã số	2019 VND	2018 VND
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	49.594.915.878.924	31.559.241.901.663
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(35.873.065.327.130)	(34.024.373.927.210)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	16.498.414.745.878	10.747.132.442.881
Chi trả thanh toán giao dịch của khách hàng	08	(30.250.765.296.900)	(8.137.528.539.729)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	20	(30.499.999.228)	144.471.877.605
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	402.158.106.996	257.686.229.391
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	371.658.107.768	402.158.106.996
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41	371.658.107.768	402.158.106.996
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	42	200.155.742.168	117.646.824.396
▪ Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	171.502.365.600	284.511.282.600

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Người lập:


 Bà Cao Thị Bảo Lê
 Kế toán trưởng

Người soát xét:


 Bà Trần Thị Thanh Thủy
 Giám đốc Tài chính

Người duyệt:


 Ông Kang Moon Kyung
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B04 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Số dư đầu năm tại ngày		Biến động trong năm kết thúc ngày		Số dư cuối năm tại ngày	
	1/1/2018	1/1/2019	31/12/2018	31/12/2019	31/12/2018	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn góp	2.000.000.000.000	4.300.000.000.000	2.300.000.000.000	1.155.500.000.000	4.300.000.000.000	5.455.500.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5.275.711.292	15.246.209.674	9.970.498.382	18.802.104.061	15.246.209.674	34.048.313.735
Quỹ dự phòng tài chính	5.275.711.292	15.246.209.674	9.970.498.382	18.802.104.061	15.246.209.674	34.048.313.735
Lợi nhuận chưa phân phối	90.261.381.663	269.730.352.551	179.468.970.888	340.417.283.607	269.730.352.551	610.147.636.158
Lợi nhuận đã thực hiện	38.796.817.976	261.467.026.377	222.670.208.401	348.728.001.669	261.467.026.377	610.195.028.046
Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	51.464.563.687	8.263.326.174	(43.201.237.513)	(8.310.718.062)	8.263.326.174	(47.391.888)
Tổng cộng	2.100.812.804.247	4.600.222.771.899	2.499.409.967.652	1.533.521.491.729	4.600.222.771.899	6.133.744.263.628
Thu nhập toàn diện khác						
Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại đầu tư sẵn sàng để bán	5.331.227.685	5.331.227.685	-	(1.979.410.500)	5.331.227.685	3.351.817.185
Tổng thu nhập toàn diện	2.106.144.031.932	4.605.553.999.584	2.499.409.967.652	1.531.542.081.229	4.605.553.999.584	6.137.096.080.813

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

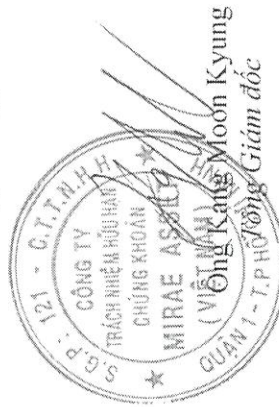
Người lập:


 Bà Cao Thị Bảo Lê
 Kế toán trưởng

Người soát xét:


 Bà Trần Thị Thanh Thủy
 Giám đốc Tài chính

Người duyệt:


 Ông Kang Moon Kyung
 Giám đốc

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 73/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 12 năm 2007. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, lần sửa đổi gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 68/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 11 năm 2019 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty có các chi nhánh như sau:

- Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội theo Quyết định số 444/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 5 năm 2017.
- Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 43/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 1 năm 2018.
- Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - Chi nhánh Vũng Tàu theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 941/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 10 năm 2018.
- Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 1080/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 3 tháng 12 năm 2018.
- Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - Chi nhánh Thăng Long theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 1081/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 3 tháng 12 năm 2018.
- Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - Chi nhánh Sài Gòn theo Quyết định số 225/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 3 năm 2019.
- Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - Chi nhánh Cần Thơ theo Quyết định số 314/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 5 năm 2019.

(b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đã góp của Công ty là 5.455,5 tỷ VND (1/1/2019: 4.300 tỷ VND).

(c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, cho vay ký quỹ và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(d) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(e) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 236 nhân viên (1/1/2019: 110 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các công cụ tài chính được phân loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ và tài sản tài chính sẵn sàng để bán được đo lường theo giá trị hợp lý. Các phương pháp được sử dụng để xác định giá trị hợp lý được mô tả trong Thuyết minh 3(d). Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(c) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”): xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 3(e);
- Các khoản cho vay và phải thu: xem Thuyết minh 3(f);
- Các TSTC sẵn sàng để bán: xem Thuyết minh 3(g).

Công ty phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận một khoản nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(iv) Cấn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cấn trừ các khoản mục với số tiền thuần được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

(v) Dự phòng tài sản tài chính

Đối với các khoản cho vay và phải thu, Công ty trích lập dự phòng như được trình bày tại Thuyết minh 3(f).

Đối với các TSTC sẵn sàng để bán, Công ty trích lập dự phòng như được trình bày tại Thuyết minh 3(g).

Các khoản lỗ do suy giảm tài sản tài chính, chi phí dự phòng giảm giá đầu tư và chi phí dự phòng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động.

Dự phòng giảm giá được hoàn nhập nếu giá thị trường của TSTC tăng lên. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi giá trị ghi sổ của TSTC không vượt quá giá trị ghi sổ trong trường hợp khoản dự phòng không được ghi nhận.

(d) Các TSTC ghi nhận theo FVTPL

Một TSTC được ghi nhận theo FVTPL là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận theo FVTPL

TSTC ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua tài sản tài chính (đối với chứng khoán chưa niêm yết) hoặc khớp với giá trên thị trường chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết).

Vào cuối kỳ kế toán, tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý được xác định bằng các kỹ thuật định giá trong trường hợp không có giá thị trường.

Giá thị trường được xác định như sau:

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Đối với các chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”), giá thị trường là giá đóng cửa tại UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các TSTC chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường phi tập trung (“thị trường OTC”), giá thị trường là giá bình quân của các giá giao dịch tại ngày gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm được cung cấp bởi 3 công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND.

Đối với chứng chỉ quỹ thành viên và quỹ mở được đánh giá theo giá trị tài sản ròng trên một (1) đơn vị chứng chỉ quỹ trước ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá trị tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

(e) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các TSTC sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm tài chính hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các TSTC giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng đáng kể đến giá trị của TSTC;
- được thực hiện sau khi Công ty thu được phần lớn tiền gốc của các TSTC này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- có liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

(f) Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản cho vay và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng được xác định bằng chênh lệch giữa giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản nhận thế chấp và giá trị ghi sổ của khoản cho vay và ứng trước tương ứng.



Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Các khoản phải thu từ bán các TSTC và từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản phải thu quá hạn, Ban Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản phải thu này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản phải thu này.

(g) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ban đầu được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- TSTC ghi nhận theo FVTPL;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và phải thu.

Vào cuối kỳ kế toán năm, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý, cách xác định giá trị hợp lý được trình bày tại Thuyết minh 3(d). Thay đổi về giá trị hợp lý của TSTC được ghi nhận là thu nhập toàn diện khác trong khoản mục Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý thuộc vốn chủ sở hữu. Khoản lỗ lũy kế sẽ được ghi nhận là chi phí ngay lập tức khi có bằng chứng khách quan về việc suy giảm giá trị. Khi dùng ghi nhận một TSTC sẵn sàng để bán, số dư lãi hoặc lỗ đã được phản ánh vào vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| ▪ phương tiện vận chuyển | 4 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 4 - 5 năm |

(i) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Thẻ thành viên câu lạc bộ golf

Thẻ thành viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 38 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng và bảo trì hệ thống, công cụ và dụng cụ. Chi phí sửa chữa văn phòng và bảo trì hệ thống được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm. Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Các khoản mục này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Ngoại trừ các khoản dự phòng được trình bày tại Thuyết Minh 3(c), 3(d), 3(e), 3(f) và 3(g), một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(n) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(o) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công ty được yêu cầu trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận sau thuế sau khi cần trừ với lỗ lũy kế từ các năm trước trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

(p) Doanh thu

(i) Lãi từ bán các TSTC

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm lưu ký chứng khoán (“VSD”) (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Công ty không ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu là một khoản thu nhập.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập tiền lãi cũng bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và giá trị danh nghĩa của công cụ nợ khi đáo hạn.

(iii) Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

(iv) Doanh thu tư vấn đầu tư tài chính

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo tiến độ hoàn thành công việc tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(v) **Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán**

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp.

(q) **Chi phí lãi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

(r) **Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) **Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(t) **Số dư bằng không**

Các khoản mục hoặc số dư được quy định trong Thông tư 334 mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. Các công cụ tài chính

(a) **Quản lý rủi ro tài chính**

(i) **Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Hội đồng Thành viên của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty được bộ phận Kiểm toán Nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Ban Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (i)	843.700.838.750	80.426.807.541
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (i)	550.000.000.000	2.222.500.000.000
Các khoản cho vay – gộp (ii)	7.384.721.467.138	3.582.895.595.544
Các khoản phải thu (ii)	62.904.906.396	73.696.561.241
Phải thu các dịch vụ cung cấp (ii)	2.795.488.064	1.276.211.410
Các khoản phải thu khác (ii)	1.997.477.347	910.475.218
Tạm ứng	292.262.311	39.646.681
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.200.000	2.200.000
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn (i)	660.000.000.000	590.000.000.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	6.223.184.321	5.014.731.921
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ	17.712.137.363	15.192.177.659
	9.530.349.961.690	6.571.954.407.215

(i) *Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn*

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) *Các khoản cho vay và các khoản phải thu khác*

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện tín dụng chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Khách hàng có nghĩa vụ đảm bảo tỷ lệ ký quỹ của họ không thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì. Trường hợp tỷ lệ ký quỹ của khách hàng giảm xuống thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì, Công ty yêu cầu khách hàng bổ sung tài sản đảm bảo trong thời hạn quy định, nếu không Công ty bán tài sản đảm bảo để thu hồi khoản phải thu. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Giám đốc của Công ty theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay và phải thu khác mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến các khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có các tài sản tài chính bị tổn thất là các khoản cho vay giao dịch ký quỹ bị quá hạn từ 3 năm trở lên với tổng giá trị là 5.858.102.914 VND (1/1/2019: 5.858.102.914 VND).

Các tài sản tài chính bị quá hạn và bị tổn thất không có tài sản đảm bảo.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	2.809.435.000.000	2.923.077.118.896	2.923.077.118.896
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	647.000.000.000	694.965.726.027	694.965.726.027
Phải trả người bán	650.085.000	650.085.000	650.085.000
Chi phí phải trả	112.492.730.102	112.492.730.102	112.492.730.102
Các khoản phải trả khác	2.088.887.608	2.088.887.608	2.088.887.608
Trái phiếu phát hành dài hạn	105.000.000.000	108.060.821.918	108.060.821.918
Dự phòng phải trả dài hạn	35.376.242	35.376.242	35.376.242
	3.676.702.078.952	3.841.370.745.793	3.841.370.745.793

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Từ 1 đến 2 năm VND
Vay ngắn hạn	1.798.360.000.000	1.816.533.220.179	1.816.533.220.179	-
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	220.000.000.000	230.150.958.904	230.150.958.904	-
Phải trả người bán	1.779.180.000	1.779.180.000	1.779.180.000	-
Chi phí phải trả	37.140.633.533	37.140.633.533	37.140.633.533	-
Các khoản phải trả khác	389.410.752	389.410.752	389.410.752	-
Trái phiếu phát hành dài hạn	50.000.000.000	52.802.876.712	-	52.802.876.712
Dự phòng phải trả dài hạn	35.376.242	35.376.242	35.376.242	-
	2.105.890.044.285	2.137.017.100.080	2.084.214.223.368	52.802.876.712

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

Công ty cho rằng rủi ro liên quan đến nghĩa vụ nợ tương đối thấp, có khả năng huy động vốn và các khoản vay với thời hạn dưới 12 tháng có thể được gia hạn với người cho vay hiện tại.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các khoản vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, tức là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”). Tuy nhiên, Công ty sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa biến động tỷ giá thông qua hợp đồng kỳ hạn tiền tệ. Công ty đã giảm thiểu rủi ro tỷ giá cho các khoản vay phải trả thông qua việc sử dụng công cụ này.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2019		1/1/2019	
	USD	Tương đương VND	USD	Tương đương VND
Vay ngắn hạn	109.000.000	2.530.435.000.000	50.000.000	1.142.100.000.000

Bao gồm trong các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã sử dụng công cụ tài chính phái sinh là các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ để cố định tỷ giá của một số khoản vay với tổng giá trị là 99.000.000 USD. Ban Giám đốc của Công ty cho rằng, rủi ro tỷ giá có thể phát sinh từ khoản vay còn lại là không trọng yếu.

Sau đây là những tỷ giá hối đoái chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	31/12/2019	1/1/2019
USD/VND	23.215	22.842

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	843.700.838.750	80.426.807.541
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	550.000.000.000	2.222.500.000.000
Các khoản cho vay – thuần	7.378.863.364.224	3.577.037.492.630
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	660.000.000.000	590.000.000.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ	17.712.137.363	15.192.177.659
Vay ngắn hạn	(2.809.435.000.000)	(1.798.360.000.000)
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	(647.000.000.000)	(220.000.000.000)
Trái phiếu phát hành dài hạn	(105.000.000.000)	(50.000.000.000)

(iii) Rủi ro thị trường khác

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ TSTC ghi nhận theo FVTPL và AFS của Công ty.

TSTC ghi nhận theo FVTPL và AFS của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Ban Giám đốc quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Rủi ro về giá chứng khoán vốn đối với các khoản đầu tư niêm yết của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản đầu tư niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại Việt Nam. Ước tính tốt nhất đối với ảnh hưởng đến TSTC và lợi nhuận sau thuế khi có sự thay đổi về chỉ số giá chứng khoán, với tất cả các biến số khác không thay đổi như sau:

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 1/1/2019	
	Thay đổi chỉ số	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế	Thay đổi chỉ số	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế
	%	VND	%	VND
Chỉ số thị trường				
VN Index - Tăng	8	166.114.052	9	5.087.364.339
VN Index - Giảm	(8)	(166.114.052)	(9)	(5.087.364.339)

Rủi ro về giá chứng khoán vốn đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết của Công ty, sẵn sàng để bán và các khoản đầu tư khác chủ yếu liên quan đến đầu tư vào chứng khoán vốn tư nhân tại Việt Nam.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày đo lường.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính, như sau:

	31/12/2019			1/1/2019		
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là TSTC ghi nhận theo FVTPL:</i>						
▪ TSTC ghi nhận theo FVTPL	2.595.532.058	2.595.532.058	70.657.838.048	70.657.838.048	70.657.838.048	
- Có phiếu niêm yết	65.398.678	65.398.678	70.657.704.668	70.657.704.668	70.657.704.668	
- Chứng chỉ quỹ	2.530.000.000	2.530.000.000	-	-	-	
- Có phiếu chưa niêm yết	133.380	133.380	133.380	133.380	133.380	
<i>Được phân loại là TSTC sẵn sàng để bán:</i>						
▪ Có phiếu chưa niêm yết	75.463.493.500	75.463.493.500	70.062.904.000	70.062.904.000	70.062.904.000	
▪ Chứng chỉ quỹ mở	192.620.000.000	192.620.000.000	-	-	-	
▪ Đầu tư dài hạn khác	572.618.000	(*)	572.618.000	(*)	(*)	
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>						
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	843.707.475.450	843.707.475.450	80.432.110.541	80.432.110.541	80.432.110.541	
▪ Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	550.000.000.000	(*)	2.222.500.000.000	(*)	(*)	
▪ Các khoản cho vay – thuần	7.378.863.364.224	(*)	3.577.037.492.630	(*)	(*)	
▪ Các khoản phải thu	62.904.906.396	(*)	73.696.561.241	(*)	(*)	
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp	2.795.488.064	(*)	1.276.211.410	(*)	(*)	
▪ Các khoản phải thu khác	1.997.477.347	(*)	910.475.218	(*)	(*)	
▪ Tạm ứng	292.262.311	(*)	39.646.681	(*)	(*)	
▪ Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.200.000	(*)	2.200.000	(*)	(*)	
▪ Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	660.000.000.000	(*)	590.000.000.000	(*)	(*)	
▪ Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	6.223.184.321	(*)	5.014.731.921	(*)	(*)	
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán và Quỹ bù trừ	17.712.137.363	(*)	15.192.177.659	(*)	(*)	

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Vay ngắn hạn	2.809.435.000.000	(*)	1.798.360.000.000	(*)
▪ Trái phiếu phát hành ngắn hạn	647.000.000.000	(*)	220.000.000.000	(*)
▪ Phải trả người bán	650.085.000	(*)	1.779.180.000	(*)
▪ Chi phí phải trả	112.492.730.102	(*)	37.140.633.533	(*)
▪ Các khoản phải trả khác	2.088.887.608	(*)	389.410.752	(*)
▪ Trái phiếu phát hành dài hạn	105.000.000.000	(*)	50.000.000.000	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi số của chúng.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền mặt	6.636.700	5.303.000
Tiền gửi ngân hàng phục vụ hoạt động của Công ty	2.386.802.647	412.635.677
Tiền gửi ngân hàng phục vụ giao dịch chứng khoán	14.036.103	14.171.864
Các khoản tương đương tiền	841.300.000.000	80.000.000.000
	843.707.475.450	80.432.110.541

6. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	2019		2018	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND
a) Công ty				
Cổ phiếu	9.604.552	335.059.545.663	15.113.358	533.826.755.243
Trái phiếu	3.180.000	333.736.330.000	49.148.000	5.169.834.052.000
Chứng chỉ quỹ	257	23.400.692.000	-	-
b) Nhà đầu tư/khách hàng				
Cổ phiếu	4.012.047.091	96.049.872.534.670	3.099.428.333	77.939.778.496.545
Trái phiếu	5.690.000	600.057.400.000	39.574.000	4.165.650.451.000
Chứng chỉ quỹ	1.015.219	90.246.192.983.000	-	-
Chứng quyền có đảm bảo	1.685.580	5.892.643.500	-	-
	4.033.222.699	187.594.212.128.833	3.203.263.691	87.809.089.754.788

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

7. Tài sản tài chính

(a) TSTC ghi nhận theo FVTPL

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết				
VIC	9.900.863	10.005.000	2.027.747	2.382.500
VJC	3.155.154	3.216.400	1.271.699	1.200.000
VHM	3.385.091	3.137.600	-	-
RCL	8.058.600	2.722.500	8.058.600	4.290.000
VCB	2.436.659	2.615.800	7.816.682.067	7.759.212.000
VNM	2.609.156	2.563.000	7.071.524.995	12.888.480.000
VRE	2.481.968	2.516.000	-	-
STB	2.289.868	2.241.150	2.665.097	2.593.150
HPG	1.537.327	1.621.500	3.550.928.845	3.703.415.100
ACV	-	-	1.914.220.952	2.088.000.000
BVH	1.581.527	1.509.200	3.056.239.246	3.770.218.000
DXG	1.085.127	1.087.500	3.642.337.985	3.451.928.200
GMD	58.595	46.600	4.263.430.790	3.805.400.300
MSN	-	-	1.643.785.714	1.550.000.000
POW	-	-	25.138.628.456	27.440.000.000
PPC	36.879	53.800	2.212.752.865	2.172.036.200
QNS	-	-	2.029.980.000	1.994.440.000
Khác	46.806.819	32.062.628	39.843.436	24.109.218
Cổ phiếu chưa niêm yết				
Khác	133.380	133.380	133.380	133.380
Chứng chỉ quỹ				
FUESSV50	2.557.366.933	2.530.000.000	-	-
	2.642.923.946	2.595.532.058	62.394.511.874	70.657.838.048

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm (i)	550.000.000.000	(*)	-	(*)
Chứng chỉ tiền gửi	-	(*)	2.222.500.000.000	(*)
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 1 năm (ii)	660.000.000.000	(*)	590.000.000.000	(*)
	1.210.000.000.000	(*)	2.812.500.000.000	(*)

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm có lãi suất năm từ 6,50% đến 7,50% (1/1/2019: 8,20% đến 8,50%).

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 1 năm có lãi suất năm dao động từ 8,80% đến 9,50% (1/1/2019: từ 7,00% đến 8,80%).

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm 250 tỷ VND (1/1/2019: 1.000 tỷ VND) đã được dùng để cầm cố tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 15).

(c) Các khoản cho vay

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay giao dịch ký quỹ (i)	7.006.675.123.443	(*)	3.420.900.249.873	(*)
Tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng (ii)	378.046.343.695	(*)	161.995.345.671	(*)
	7.384.721.467.138	(*)	3.582.895.595.544	(*)

(i) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho khách hàng để thực hiện các giao dịch ký quỹ chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc là 90 ngày và hưởng lãi suất ngày từ 0,028% đến 0,039% (1/1/2019: từ 0,028% đến 0,039%). Tỷ lệ ký quỹ ban đầu và tỷ lệ ký quỹ duy trì lần lượt là 50% và 40%.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng được hưởng lãi suất ngày từ 0,033% (1/1/2019: 0,033%) và có thời hạn gốc từ 1 ngày đến 2 ngày.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(d) TSTC sẵn sàng để bán

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam (i)	10.516.976.315	15.827.323.500	10.516.976.315	15.848.204.000
Công ty Cổ phần Tôn Đông Á (ii)	54.214.700.000	59.636.170.000	54.214.700.000	54.214.700.000
Quỹ đầu tư cổ phiếu tăng trưởng Mirae Asset Việt Nam (iii)	200.000.000.000	192.620.000.000	-	-
	264.731.676.315	268.083.493.500	64.731.676.315	70.062.904.000

- (i) Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam ("SMV") là một công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép Kinh doanh số 2300323118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 19 tháng 2 năm 2008. Các hoạt động chính của công ty này bao gồm sản xuất và kinh doanh thiết bị điện. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty sở hữu 2,87% vốn chủ sở hữu của SMV (1/1/2019: 2,87%).
- (ii) Công ty Cổ phần Tôn Đông Á Việt Nam ("TDA") là một công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép Kinh doanh số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 2 tháng 2 năm 2009. Các hoạt động chính của công ty này bao gồm sản xuất thép cán nguội, tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu phục vụ cho ngành xây dựng công nghiệp và dân dụng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty sở hữu 1,80% vốn chủ sở hữu của TDA (1/1/2019: 1,80%).
- (iii) Quỹ đầu tư cổ phiếu tăng trưởng Mirae Asset Việt Nam ("MAGEF") là một quỹ mở được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 39/GCN-UBCK ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Quỹ này được quản lý bởi Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam), một bên liên quan của Công ty. Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tăng trưởng giá trị tài sản ròng dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập của các khoản đầu tư. Quỹ mới chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng lần đầu vào ngày 21 tháng 5 năm 2019. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty sở hữu 44% số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ này (1/1/2019: không có).

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(e) Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH Mirae Asset Realty Việt Nam (i)	572.618.000	(*)	572.618.000	(*)

(i) Công ty TNHH Mirae Asset Realty Việt Nam ("Mirae Asset Realty"), một bên liên quan, là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000515 ngày 22 tháng 4 năm 2010 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Các hoạt động chính của Mirae Asset Realty là cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản. Đầu tư của Công ty chiếm 14,99% tổng vốn điều lệ của Mirae Asset Realty.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để trình bày trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá thị trường và hiện tại không có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

8. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Đây là khoản dự phòng cho vay giao dịch ký quỹ đã bị quá hạn từ năm 2015 và 2016. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho các khoản cho vay này và không có biến động trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

9. Các khoản phải thu

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	62.904.906.396	70.599.589.241
Phải thu từ bán tài sản tài chính	-	3.096.972.000
	<u>62.904.906.396</u>	<u>73.696.561.241</u>

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

10. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Học phí cho con của nhân viên người nước ngoài	1.446.830.000	237.727.272
Chi phí trả trước cho thuê hoạt động	1.697.221.659	242.673.460
Chi phí bảo lãnh cho các khoản đi vay	11.470.679.865	3.812.041.712
Các khoản trả trước ngắn hạn khác	1.777.167.566	1.565.791.566
	<hr/>	<hr/>
	16.391.899.090	5.858.234.010
	<hr/>	<hr/>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Sửa chữa văn phòng và bảo trì hệ thống	12.065.700.314	9.930.423.040
Phí thành viên câu lạc bộ golf	894.030.552	925.217.593
Công cụ và dụng cụ	5.176.671.849	5.162.831.760
Phí internet	716.412.536	-
	<hr/>	<hr/>
	18.852.815.251	16.018.472.393
	<hr/>	<hr/>

Biến động của chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2019	2018
	VND	VND
Số dư đầu năm	16.018.472.393	11.032.061.370
Tăng trong năm	13.314.155.478	9.436.163.763
Phân bổ trong năm	(10.479.812.620)	(4.449.752.740)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	18.852.815.251	16.018.472.393
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

11. Tài sản cố định hữu hình

2019

	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2.193.700.000	17.217.216.997	19.410.916.997
Tăng trong năm	-	1.073.192.670	1.073.192.670
Thanh lý trong năm	(894.800.000)	-	(894.800.000)
<hr/>			
Số dư cuối năm	1.298.900.000	18.290.409.667	19.589.309.667
<hr/>			
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.111.283.338	10.342.975.946	11.454.259.284
Khấu hao trong năm	259.779.996	1.940.956.328	2.200.736.324
Thanh lý trong năm	(894.800.000)	-	(894.800.000)
<hr/>			
Số dư cuối năm	476.263.334	12.283.932.274	12.760.195.608
<hr/>			
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.082.416.662	6.874.241.051	7.956.657.713
Số dư cuối năm	822.636.666	6.006.477.393	6.829.114.059

11. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

2018	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	894.800.000	14.580.889.597	15.475.689.597
Tăng trong năm	1.298.900.000	2.636.327.400	3.935.227.400
Số dư cuối năm	2.193.700.000	17.217.216.997	19.410.916.997
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	894.800.000	8.621.278.392	9.516.078.392
Khấu hao trong năm	216.483.338	1.721.697.554	1.938.180.892
Số dư cuối năm	1.111.283.338	10.342.975.946	11.454.259.284
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	-	5.959.611.205	5.959.611.205
Số dư cuối năm	1.082.416.662	6.874.241.051	7.956.657.713

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 8.472.728.354 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (1/1/2019: 8.647.350.478 VND).

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định vô hình**

	2019 Phần mềm máy vi tính VND	2018 Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	9.296.422.561	9.296.422.561
Tăng trong năm	1.249.540.958	-
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)	4.790.100.000	-
Số dư cuối năm	15.336.063.519	9.296.422.561
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	8.345.636.858	8.032.229.210
Khấu hao trong năm	1.400.556.078	313.407.648
Số dư cuối năm	9.746.192.936	8.345.636.858
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	950.785.703	1.264.193.351
Số dư cuối năm	5.589.870.583	950.785.703

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 7.729.384.240 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (1/1/2019: 7.729.384.240 VND).

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Phần mềm máy vi tính	-	4.790.100.000

Biến động xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	4.790.100.000	-
Tăng trong năm	-	4.790.100.000
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 12)	4.790.100.000	-
Số dư cuối năm	-	4.790.100.000

14. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ cho các hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh

(a) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	5.190.764.818	2.840.306.590
Tiền nộp thêm trong năm	2.244.400.607	2.187.964.962
Tiền lãi nhận được trong năm	255.599.393	162.493.266
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	7.690.764.818	5.190.764.818

(b) Quỹ bù trừ cho các hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về quy chế quản lý, sử dụng quỹ bù trừ cho các hoạt động chứng khoán phái sinh, Công ty có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ bằng tiền hoặc chứng khoán. Tỷ lệ đóng góp bằng tiền tối thiểu là 80% trên tổng giá trị tài sản đóng góp Quỹ bù trừ. Mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ đồng đối với thành viên bù trừ trực tiếp, 15 tỷ đồng đối với thành viên bù trừ chung.

Biến động tiền nộp Quỹ bù trừ trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	10.001.412.841	-
Tiền nộp thêm trong năm	-	10.000.000.000
Tiền lãi nhận được trong năm	19.959.704	1.412.841
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	10.021.372.545	10.001.412.841

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

15. Vay ngắn hạn

	Số dư tại ngày 1/1/2019 VND	Số vay trong năm VND	(Số trả trong năm) VND	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND	Số dư tại ngày 31/12/2019 VND
Vay ngắn hạn	1.798.360.000.000	17.882.228.005.000	(16.861.172.605.000)	(9.980.400.000)	2.809.435.000.000

Các điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn chưa thanh toán như sau:

	Tiền tệ	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Korea Development Bank – Chi nhánh Singapore (*)	USD	1.620.775.389.831	1.142.100.000.000
Ngân hàng Woori Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (*)	VND	67.000.000.000	227.000.000.000
Ngân hàng Woori Bank – Chi nhánh Singapore (*)	USD	466.467.796.610	-
Ngân hàng Shinhan Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (*)	VND	212.000.000.000	45.700.000.000
Ngân hàng Shinhan Bank – Chi nhánh Hong Kong (*)	USD	443.191.813.559	-
Ngân hàng BIDV (*)	VND	-	110.000.000.000
Ngân hàng Vietinbank (*)	VND	-	41.800.000.000
Ngân hàng KEB Hana – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (*)	VND	-	77.000.000.000
Ngân Hàng Indovina Việt Nam (*)	VND	-	77.760.000.000
Ngân hàng Techcombank (*)	VND	-	77.000.000.000
		2.809.435.000.000	1.798.360.000.000

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản vay có lãi suất năm dao động từ 3,33% đến 8,50% (1/1/2019: từ 2,14% đến 4,90%). Các khoản vay này được bảo lãnh bởi công ty mẹ là Mirae Asset Securities (HK) Limited và một công ty liên quan là Công ty Mirae Asset Securities (UK) Limited và được đảm bảo bởi tiền gửi tại chính các ngân hàng cho vay với giá trị ghi sổ là 465 tỷ VND (1/1/2019: 1.080 tỷ VND) (Thuyết minh 7(b)).

16. Trái phiếu phát hành ngắn hạn và dài hạn

	Số dư tại ngày 1/1/2019 VND	Phát sinh trong năm VND	Số trả trong năm VND	Số dư tại ngày 31/12/2019 VND
Trái phiếu phát hành ngắn hạn (i)	220.000.000.000	647.000.000.000	(220.000.000.000)	647.000.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn (ii)	50.000.000.000	105.000.000.000	(50.000.000.000)	105.000.000.000
	270.000.000.000	752.000.000.000	(270.000.000.000)	752.000.000.000

(i) Theo Phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ ngày 14 tháng 2 năm 2019 và ngày 25 tháng 4 năm 2019, Công ty đã phát hành 647 tỷ VND trái phiếu doanh nghiệp, mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, không niêm yết, lãi suất 8,00%/năm, không có tài sản đảm bảo, kỳ hạn một năm, thanh toán gốc và lãi một lần khi đáo hạn.

(ii) Theo Phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ ngày 5 tháng 8 năm 2019, Công ty đã phát hành 105 tỷ VND trái phiếu doanh nghiệp, mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, không niêm yết, lãi suất 8,00%/năm, không có tài sản đảm bảo, kỳ hạn hai năm, thanh toán gốc và lãi một lần khi đáo hạn hoặc theo yêu cầu của trái chủ.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Phát sinh VND	(Đã trả) VND	31/12/2019 VND
Các loại thuế				
Thuế giá trị gia tăng	-	81.846.340	-	81.846.340
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.512.930.422	90.853.196.562	(85.813.888.266)	24.552.238.718
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	612.371.293	11.954.196.214	(11.273.139.468)	1.293.428.039
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	1.570.315.414	27.780.066.407	(25.154.936.364)	4.195.445.457
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư giao dịch chứng khoán phải sinh	5.894.931	5.229.401.584	(4.930.160.389)	305.136.126
Thuế nhà thầu	670.664.340	13.742.374.697	(13.591.747.723)	821.291.314
Các loại phí và lệ phí khác	228.820.230	3.871.784.543	(3.680.957.641)	419.647.132
	22.600.996.630	153.512.866.347	(144.444.829.851)	31.669.033.126
2018	1/1/2018 VND	Phát sinh VND	(Đã trả) VND	31/12/2018 VND
Các loại thuế				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.409.637.593	49.756.343.279	(37.653.050.450)	19.512.930.422
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	376.421.054	7.471.302.057	(7.235.351.818)	612.371.293
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	1.367.762.843	28.380.156.462	(28.177.603.891)	1.570.315.414
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư giao dịch chứng khoán phải sinh	-	5.894.931	-	5.894.931
Thuế nhà thầu	274.621.584	10.963.250.007	(10.567.207.251)	670.664.340
Các loại phí và lệ phí khác	169.677.290	2.921.882.798	(2.862.739.858)	228.820.230
	9.598.120.364	99.498.829.534	(86.495.953.268)	22.600.996.630

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Chi phí lương tháng 13 và thưởng	30.700.000.000	13.500.000.000
Chi phí lãi	64.997.230.525	17.851.359.359
Chi phí môi giới chứng khoán	6.753.851.091	2.170.283.993
Chi phí đi lại	4.497.704.080	-
Chi phí giao dịch chứng khoán	4.029.548.043	1.420.497.113
Chi phí tư vấn	354.512.000	581.745.201
Các chi phí khác	1.159.884.363	1.616.747.867
	<hr/>	<hr/>
	112.492.730.102	37.140.633.533

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Chênh lệch giảm do dự phòng và đánh giá lại TSTC ghi nhận theo FVTPL và đầu tư sẵn sàng để bán	517.810.772	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Chênh lệch tăng do đánh giá lại TSTC ghi nhận theo FVTPL và đầu tư sẵn sàng để bán	-	(11.275.319.320)
	<hr/>	<hr/>
Tài sản/(nợ) thuế thu nhập hoãn lại thuần	517.810.772	(11.275.319.320)

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

20. Vốn góp

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	31/12/2019		1/1/2019	
	VND	%		
Mirae Asset Securities (HK) Limited	5.455.500.000.000	100%	4.300.000.000.000	100%

Công ty mẹ, Mirae Asset Securities (HK) Limited, và công ty mẹ cấp cao nhất, Mirae Asset Capital Company Limited, được thành lập lần lượt tại Hồng Kông và Hàn Quốc.

Biến động vốn điều lệ trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	4.300.000.000.000	2.000.000.000.000
Vốn góp trong năm	1.155.500.000.000	2.300.000.000.000
Số dư cuối năm	5.455.500.000.000	4.300.000.000.000

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã phê duyệt hồ sơ đăng ký của Công ty đề tăng vốn điều lệ. Vào ngày 31 tháng 10 năm 2019, Công ty đã được góp vốn đủ bởi Mirae Asset Securities (HK) Limited. Ngày 21 tháng 11 năm 2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 68/GPĐC-UBCK phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 5.455,5 tỷ VND.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

21. Doanh thu hoạt động kinh doanh

(a) Lãi/(lỗ) từ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL

2019	Số lượng	Giá bán trung bình VND	Tiền thu được VND	Tổng giá vốn VND	Lãi từ bán chứng khoán VND	Lỗ từ bán chứng khoán VND
Các TSTC ghi nhận theo FVTPL						
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>						
VNM	5.789.050	34.381	199.032.448.080	189.097.566.547	16.329.806.996	(6.394.925.463)
VCB	108.410	131.935	14.303.093.000	7.194.181.619	7.108.911.381	-
SAB	107.850	114.660	12.366.064.000	10.961.003.608	1.405.060.392	-
PLX	23.600	273.295	6.449.763.000	5.521.902.000	927.861.000	-
VRE	105.150	66.331	6.974.670.000	6.031.368.000	943.302.000	-
BVH	448.730	34.442	15.454.977.920	14.788.871.567	791.741.441	(125.635.088)
POW	113.680	79.996	9.093.909.760	9.146.685.719	-	(52.775.959)
DXG	1.715.680	16.201	27.795.082.000	25.147.400.456	2.647.681.544	-
VJC	252.920	18.508	4.681.058.000	6.181.437.338	-	(1.500.379.338)
HPG	40.380	111.636	4.507.858.000	4.936.511.105	601.889	(429.254.994)
SBT	307.060	28.173	8.650.731.500	9.070.333.733	55.159.712	(474.761.945)
HCM	350.410	16.984	5.951.451.500	6.558.684.099	17.008	(607.249.607)
VIC	197.840	23.143	4.578.541.500	5.350.426.053	49.592	(771.934.145)
ROS	1.120	115.300	129.136.000	127.459.384	1.676.616	-
CTD	330	24.350	8.035.500	9.395.417	-	(1.359.917)
STB	1.050	117.895	123.790.000	125.197.887	-	(1.407.887)
VHM	2.620	10.100	26.462.000	26.903.379	-	(441.379)
HBC	160.370	78.950	12.661.250.000	13.043.616.609	147.700.926	(530.067.535)
Khác	230	11.000	2.530.000	2.805.882	-	(275.882)
	1.851.620	35.252	65.274.044.400	64.873.382.692	2.300.043.495	(1.899.381.787)
Trái phiếu niêm yết	1.590.000	105.192	167.255.030.000	166.481.300.000	773.730.000	-
Chứng chỉ quỹ	400.000	13.124	5.249.455.300	5.356.013.536	7.376.436	(113.934.672)
Lãi/(lỗ) vị thế của hợp đồng chứng khoán phái sinh	-	-	-	-	348.900.000	(188.862.000)
	7.779.050	47.761	371.536.933.380	360.934.880.083	17.459.813.432	(6.697.722.135)

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(a) Lãi/(lỗ) từ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL (tiếp theo)

2018	Số lượng	Giá bán trung bình VND	Tiền thu được VND	Tổng giá vốn VND	Lãi từ bán chứng khoán VND	Lỗ từ bán chứng khoán VND
Các TSTC ghi nhận theo FVTPL						
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>						
BSR	11.600.226	32.993	382.722.046.703	335.809.988.245	67.976.576.484	(21.812.420.025)
BVH	3.000.000	18.578	55.733.090.000	66.000.000.000	5.070.020.000	(15.336.930.000)
CTG	123.280	87.005	10.725.977.000	7.414.829.914	3.311.147.086	-
GAS	261.800	34.950	9.149.910.000	6.091.865.394	3.058.044.606	-
MSN	98.820	129.190	12.766.533.000	6.690.014.048	6.076.518.952	-
NVL	144.970	84.768	12.288.761.000	9.513.698.984	2.775.062.016	-
PVT	1.760.000	58.788	103.467.025.000	99.183.000.000	7.356.625.000	(3.072.600.000)
STB	569.741	20.059	11.428.332.950	8.542.236.143	2.886.096.807	-
VCB	2.159.310	14.273	30.820.360.500	26.515.631.918	4.837.147.385	(532.418.803)
VNM	259.780	65.608	17.043.673.000	11.193.826.553	5.851.230.223	(1.383.776)
Khác	154.630	170.181	26.315.031.000	12.085.277.820	14.229.753.180	-
	3.067.895	30.309	92.983.353.253	82.579.607.471	12.524.931.229	(2.869.087.446)
Trái phiếu niêm yết	22.554.000	105.264	2.374.114.202.000	2.400.613.111.000	5.117.051.000	-
	34.154.226	80.717	2.756.836.248.703	2.736.423.099.245	73.093.627.484	(21.812.420.025)

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(b) Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL và AFS

	31/12/2019		Chênh lệch đánh giá lại tại 31/12/2019 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại 1/1/2019 VND	Chênh lệch đánh giá lại cho năm 2019 VND
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý/ giá thị trường VND			
TSTC ghi nhận theo FVTPL	2.642.923.946	2.595.532.058	(47.391.888)	8.263.326.174	(8.310.718.062)
Cổ phiếu niêm yết	85.423.633	65.398.678	(20.024.955)	8.263.326.174	(8.283.351.129)
Chứng chỉ quỹ	2.557.366.933	2.530.000.000	(27.366.933)	-	(27.366.933)
Khác	133.380	133.380	-	-	-
Bao gồm:					
- Lãi từ đánh giá lại					8.423.209.056
- Lỗ từ đánh giá lại					(16.733.927.118)
Đầu tư sẵn sàng để bán	264.731.676.315	268.083.493.500	3.351.817.185	5.331.227.685	(1.979.410.500)
1/1/2018					
	1/1/2018		Chênh lệch đánh giá lại tại 31/12/2018 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại 1/1/2018 VND	Chênh lệch đánh giá lại cho năm 2018 VND
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý/ giá thị trường VND			
TSTC ghi nhận theo FVTPL	62.394.511.874	70.657.838.048	8.263.326.174	51.464.563.687	(43.201.237.513)
Cổ phiếu niêm yết	62.394.511.874	70.657.838.048	8.263.326.174	51.464.563.687	(43.201.237.513)
Bao gồm:					
- Lãi từ đánh giá lại					3.265.885.414
- Lỗ từ đánh giá lại					(46.467.122.927)
Đầu tư sẵn sàng để bán	64.731.676.315	70.062.904.000	5.331.227.685	5.331.227.685	-

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(c) Cổ tức, tiền lãi từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL, AFS, giữ đến ngày đáo hạn, các khoản vay và phải thu

	2019	2018
	VND	VND
Từ TSTC giữ đến ngày đáo hạn	170.059.907.497	137.694.713.393
▪ Thu nhập từ tiền gửi có kỳ hạn	170.059.907.497	137.694.713.393
Từ các khoản vay và phải thu	572.839.011.354	210.919.551.254
▪ Thu nhập từ hoạt động ký quỹ	539.346.586.938	197.511.185.774
▪ Thu nhập từ dịch vụ ứng trước	33.492.424.416	13.408.365.480
Từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	1.726.757.186	889.072.172
▪ Cổ tức	1.726.757.186	889.072.172
Từ các TSTC sẵn sàng để bán	37.489.082	1.594.550.000
▪ Cổ tức	37.489.082	1.594.550.000
	<hr/> 744.663.165.119	<hr/> 351.097.886.819

(d) Doanh thu không phải là thu nhập từ các TSTC

	2019	2018
	VND	VND
Doanh thu từ môi giới chứng khoán	151.805.521.314	128.462.909.238
Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính	13.473.194.174	781.725.424
Doanh thu từ lưu ký chứng khoán	4.607.584.996	2.449.905.198
Doanh thu từ các hoạt động khác	1.638.405.620	1.762.811.259
	<hr/> 171.524.706.104	<hr/> 133.457.351.119

22. Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu và chi phí đi vay

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	163.576.566.623	60.130.440.406
Phân bổ chi phí hợp đồng hoán đổi tiền tệ	23.136.488.229	-
Chi phí bảo hiểm khoản vay	9.528.166.641	-
Chi phí bảo lãnh	3.042.193.632	-
Chi phí khác	6.117.995.233	8.593.745.525
	<hr/> 205.401.410.358	<hr/> 68.724.185.931

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***23. Chi phí môi giới chứng khoán**

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí lương	68.884.481.503	36.996.619.699
Chi phí hoa hồng	50.076.107.324	37.708.930.707
Chi phí môi giới	28.833.361.435	24.106.685.865
Chi phí thuê	15.625.295.275	7.726.558.395
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.759.636.607	5.017.156.016
Nội thất văn phòng	6.195.929.853	1.693.841.354
Máy tính và các chi phí liên quan	5.332.117.695	2.958.919.083
Phí chứng khoán phái sinh	4.152.031.591	-
Khấu hao tài sản cố định	2.672.969.221	1.474.617.345
Chi phí giao tế	2.412.469.896	1.596.061.312
Chi phí công tác	1.586.332.801	797.813.089
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	1.222.783.386	2.110.176.030
Chi phí khác	2.024.798.415	1.851.606.753
	<hr/>	<hr/>
	203.778.315.002	124.038.985.648
	<hr/>	<hr/>

24. Doanh thu tài chính

	2019	2018
	VND	VND
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	9.980.400.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.500.000.000	22.284
Lãi tiền gửi không kì hạn	9.829.744	6.389.146
	<hr/>	<hr/>
	12.490.229.744	6.411.430
	<hr/>	<hr/>

25. Chi phí tài chính

	2019	2018
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	2.425.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	960.000.000	3.155.798.394
	<hr/>	<hr/>
	960.000.000	5.580.798.394
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***26. Chi phí quản lý**

	2019 VND	2018 VND
Chi phí lương	40.482.219.186	24.104.829.829
Chi phí thuê	5.519.784.433	3.847.659.779
Chi phí dịch vụ chuyên môn	4.348.688.020	3.081.907.329
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.177.196.711	999.406.410
Chi phí giải trí	1.369.818.410	1.760.230.391
Chi phí công tác	982.961.900	796.432.984
Khấu hao tài sản cố định	928.323.181	776.971.195
Chi phí vận chuyển	523.559.479	495.636.687
Thuế, phí và lệ phí	297.332.050	1.364.939.960
Chi phí văn phòng phẩm	254.077.806	98.658.848
Máy tính và các chi phí liên quan	237.141.964	242.897.904
Chi phí khác	4.013.038.219	2.378.903.155
	60.134.141.359	39.948.474.471

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động**

	2019 VND	2018 VND
Chi phí thuế hiện tại		
Năm nay	90.853.196.562	49.640.348.551
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	115.994.728
	90.853.196.562	49.756.343.279
Chi phí thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(11.793.130.092)	2.759.207.221
	79.060.066.470	52.515.550.500

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2019	2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	457.081.558.199	251.925.518.152
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	91.416.311.640	50.385.103.630
Thu nhập không bị tính thuế	(345.351.437)	(830.991.517)
Thay đổi trong chênh lệch tạm thời	(12.010.893.733)	2.845.443.659
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	115.994.728
	<u>79.060.066.470</u>	<u>52.515.550.500</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư được trình bày trong các thuyết minh khác, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Mirae Asset Securities (HK) Limited		
Góp vốn	1.155.500.000.000	2.300.000.000.000
Tiền bảo lãnh cho vay	24.249.033.391	4.564.500.000
Tiền từ môi giới chứng khoán	59.146.722	-
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Mirae Asset Daewoo Co., Ltd. (trước đây gọi là Mirae Asset Securities Co., Ltd)		
Doanh thu từ môi giới chứng khoán	7.357.285.599	4.190.406.522
Mirae Asset Securities (UK) Limited		
Trả chi phí bảo lãnh cho các khoản đi vay	-	6.867.000.000
Công ty Tài chính Mirae Asset (Việt Nam)		
Tiền thu từ chứng chỉ tiền gửi đã đáo hạn	100.000.000.000	-
Lãi từ chứng chỉ tiền gửi	27.672.986.301	-
Mua chứng chỉ tiền gửi	220.000.000.000	320.000.000.000
Mirae Asset Global Investment Company		
Doanh thu từ môi giới chứng khoán	-	3.320.690.171
Công ty TNHH Mirae Asset Realty		
Chi trả hộ	-	641.878.879
Vina Digital Finance Platform Company Limited		
Phí tư vấn	748.809.746	-
Quỹ đầu tư cổ phiếu tăng trưởng Mirae Asset Việt Nam		
Mua chứng chỉ tiền gửi	200.000.000.000	-
Mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	200.000.000.000	-
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt		
Thu nhập	3.779.276.679	2.970.249.167

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

29. Các cam kết

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Trong vòng một năm	11.392.131.468	16.519.840.936
Từ hai đến năm năm	25.523.078.046	28.278.764.800
	36.915.209.514	44.798.605.736




30. Số liệu so sánh

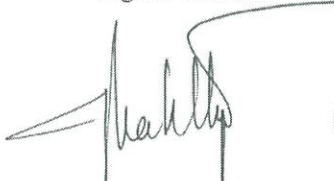
Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Người lập:


Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán trưởng

Người soát xét:


Bà Trần Thị Thanh Thủy
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:


Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc



XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE



KANG MOON KYUNG
TỔNG GIÁM ĐỐC/CEO



